

Số: 270 /TB-TVQ

Tân Bình, ngày 29 tháng 9 năm 2024

THÔNG BÁO CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2024 - 2025

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81 /2021 /NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo có hiệu lực từ ngày 31 tháng 12 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ ban hành quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2024-2025;

Căn cứ Quyết định số 3089/QĐ-UBND ngày 8 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 4299/UBND-VX ngày 31 tháng 07 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Công văn số 4300/UBND-VX của Ủy ban nhân dân Thành phố ngày 31 tháng 7 năm 2024 về triển khai Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 5307/SGDĐT-KHTC ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 5666/SGDĐT-KHTC ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về tăng cường công tác quản lý các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; vận động tài trợ cho giáo dục và kinh phí hoạt động cha mẹ học sinh năm học 2024-2025 của ngành giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 1479/GDĐT-TCKH ngày 16 tháng 9 năm 2024 Liên phòng Phòng Giáo dục đào tạo và Phòng Tài Chính - Kế Hoạch quận Tân Bình về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn quận Tân Bình;

Căn cứ vào Thông báo số 154/TB-VP của Văn Phòng Ủy Ban nhân dân quận Tân Bình về thống nhất với đề xuất của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Tài chính – Kế hoạch về khung mức thu học phí và các khoản thu khác của các cơ sở giáo dục trên địa bàn quận từ năm học 2024 - 2025 tại Công văn số 1479/GDĐT-TCKH ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Liên phòng Phòng Giáo dục và Đào tạo - Phòng Tài chính – Kế hoạch;

Căn cứ nội dung buổi họp giữa Ban lãnh đạo trường THCS Trần Văn Quang với Ban đại diện Cha mẹ học sinh về việc thu, sử dụng học phí và thu khác năm học 2024-2025,

Trường THCS Trần Văn Quang thông báo đến Cha mẹ học sinh các khoản thu trong năm học 2024-2025 như sau:

A. VỀ THU HỌC PHÍ

Mức thu học phí đối với các cơ sở Giáo dục công lập trong năm học 2024-2025: **60.000 đồng / học sinh / tháng.**

B. VỀ THU CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO NGHỊ QUYẾT 13/2024-HĐND VÀ CÁC KHOẢN THU TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KHÁC

1. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND:

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu theo NQ 13/2024/NQ-HĐND	Mức thu tối đa theo CV 1479/GDĐT-TCKH	Mức nhà trường đề nghị thu
1. Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	đồng/HS/tháng (thu 9 tháng)	300.000	300.000	180.000đ/tháng
2. Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)	đồng/HS/năm	50.000	50.000	28.000 đ /năm (không bao gồm khám nha học đường)
3. Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	đồng/HS/tháng (thu 9 tháng)	110.000	110.000	39.000đ/tháng

2. Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác:

2.1. Khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác của chương trình nhà trường:

Có 05 nội dung nhà trường triển khai thực hiện, tổ chức dạy và học như sau:

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu tối đa theo CV 1479/GDDĐT-TCKH	Mức nhà trường đề nghị thu
1. Tiền tổ chức dạy Tăng cường môn Ngoại ngữ	đồng/HS/tháng (Lớp TCTA) (thu 8 tháng)	158.000	138.000 đ/tháng
2. Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, học bơi	đồng/HS/tháng/môn (thu 7 tháng)	80.000	80.000 đ/tháng
3. Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	đồng/HS/tháng (khối 6, 7 và 8) (thu 7 tháng)	92.000	80.000 đ/tháng
4. Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	đồng/HS/tháng (thu 7 tháng)	264.000	250.000 đ/tháng
5. Tiền tổ chức Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học	đồng/HS/tháng (thu 8 tháng)	800.000	800.000đ/tháng

2.2. Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục thực hiện theo các Đề án

Có 01 nội dung nhà trường triển khai thực hiện, tổ chức dạy và học như sau:

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu theo CV 1479/GDDĐT-TCKH	Mức nhà trường đề nghị thu
1. Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án “nâng cao năng lực kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030”	đồng/HS/tháng (khối 6, 7 và 8) (thu 7 tháng)	172.000	150.000đ/tháng

2.3. Các khoản thu cho cá nhân học sinh:

Có 04 nội dung nhà trường triển khai thực hiện, tổ chức thu như sau:

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu theo CV 1479/GDDĐT-TCKH	Mức nhà trường đề nghị thu
1. Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	đồng/HS/năm	230.000	200.000 đ/năm

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu theo CV 1479/GDDĐT-TCKH	Mức nhà trường đề nghị thu
2. Học phẩm	đồng/HS/năm	57.000	50.000 đ/năm
3. Tiền suất ăn trưa bán trú	đồng/HS/ngày	40.000	38.000 đ/ngày
4. Tiền nước uống	đồng/HS/tháng (thu 9 tháng)	19.000	11.000 đ/tháng

Ghi chú:

- Đối với các khoản thu theo từng tháng cha mẹ có thể đóng từng tháng, theo học kỳ hoặc cả năm học.

- Tổng cộng các khoản thu theo đơn vị thời gian

C. VỆ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG HỌC SINH NHƯ SAU:

1. Đối tượng miễn học phí (theo Điều 15, NĐ số 81/2021/CP)

- Học sinh khuyết tật;
- Học sinh là người dân tộc Chăm, Khmer (quy định tại mục a, Điều 2, NQ23/2022/NQ-HĐND);
- Học sinh có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng chính phủ;
- Học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng;
- Học sinh thuộc các đối tượng của các chương trình, đề án được miễn học phí theo quy định của Chính phủ;
- Đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

2. Đối tượng giảm 50% học phí (theo Điều 16 NĐ số 81/2021/CP)

- Học sinh là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên;
- Học sinh là cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng chính phủ.

3. Đối tượng hỗ trợ chi phí học tập (theo Điều 18 NĐ số 81/2021/CP)

- Học sinh khuyết tật;
- Học sinh có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng chính phủ;
- Học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ./.

Nơi nhận:

- PHT, GVCN, CMHS;
- Lưu: VT, KT.



Lưu Thị Kim Thúy